

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



HÀ THỊ LAN PHƯƠNG

**PHÁP LUẬT TỔ TỤNG PHONG KIẾN VIỆT NAM
TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2019

Công trình đã được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương**

Phản biện 1: **GS.TS. Thái Vĩnh Thắng**

Phản biện 2: **PGS.TS. Nguyễn Minh Mẫn**

Phản biện 3: **PGS.TS. Hoàng Văn Tú**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, tổ chức
tại Học viện Khoa học xã hội

Vào lúc h phút, Ngày Tháng Năm 2019

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Khoa học xã hội.

CÁC CÔNG TRÌNH

CỦA NCS CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Những thành tựu về pháp luật tố tụng của triều đại Lê Thánh Tông trong lịch sử tư pháp Việt Nam (6/2018) – Đồng tác giả Lê Ngọc Duy, *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 3, (tr.52 – 58).
2. Vấn đề lý luận về pháp luật tố tụng của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XV – XIX (2/2018) – Đồng tác giả Hà Thị Lan Anh, *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 1, (tr.58 – 64).
3. Phòng chống và xử lý tham nhũng trong pháp luật phong kiến Việt Nam và bài học kinh nghiệm (6/2017), *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 3 (tr. 59- 64).
4. Đặc điểm pháp luật tố tụng của nhà nước phong kiến Việt Nam (6/2016), *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 3 (tr. 26- 33).
5. Luật sư và vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động tố tụng (2/2016)- Đồng tác giả Hà Thị Lan Anh, *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 1 (tr. 43 - 46).
6. Điểm tiến bộ và những vấn đề còn tồn tại trong mô hình tố tụng Việt Nam hiện nay so với mô hình tố tụng của nhà nước phong kiến Việt Nam trước đây, (6/2015) *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 3 (tr. 26 - 31).
7. So sánh pháp luật tố tụng và thực tiễn áp dụng của nhà nước phong kiến và nhà nước Việt Nam hiện nay (6/2013), *Tạp chí Nghề luật*, HV Tư pháp, Số 3 (tr. 42 - 46).
8. Pháp quyền và Nhà nước pháp quyền (12/2012) – Đồng tác giả Hà Thị Lan Anh, *Tạp chí Nghề luật*, Học viện Tư pháp, Số 6 - 2012 (tr.5 - 10) và tiếp theo Số 1 - 2013 (tr.10 - 14).
9. Khái quát về Tố tụng Hình sự ở Việt Nam thời kỳ phong kiến (2010), Số chuyên đề về “Mô hình Tố tụng Hình sự Việt Nam, Số 5 + 6 (tr. 5- 102) TT Viện khoa học Kiểm sát, Viện Kiểm sát Tối cao.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Pháp luật tố tụng là một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật ở Việt Nam cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào thì pháp luật tố tụng luôn có tầm quan trọng đặc biệt để thiết lập một thể chế quyền lực tư pháp nhằm bảo vệ nhà nước, bảo vệ chế độ chính trị xã hội, duy trì công lý, đảm bảo quyền con người, quyền công dân và những giá trị nhân văn của nhân loại.

Thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, Nhà nước Việt Nam đã thông qua bản Hiến pháp năm 2013 và sửa định nhiều bộ luật quan trọng. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XII đã khẳng định: *“Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân”* [1, tr.114]. Cải cách tư pháp là một chặng đường khó khăn lâu dài, đòi hỏi quyết tâm rất lớn của nhà cầm quyền.

Dưới góc nhìn lịch sử tư pháp, Việt Nam sở hữu những di sản cổ luật tiến bộ đặc sắc so với các nhà nước khác cùng thời, nhưng trên thực tế nguồn tư liệu lưu trữ và các công trình nghiên cứu về cổ luật nói chung, về tố tụng trong cổ luật nói riêng còn rất nhiều hạn chế. Phan Huy Chú từng nghiên cứu về hệ thống pháp luật truyền thống Việt Nam, ông rất tiếc về sự thất truyền những di sản văn hóa pháp luật của dân tộc: *“Sách điển chương pháp chế của cả một triều đại làm khuôn phép đời đời mà mất mát như thế, thực có đáng tiếc không?”* [11, tr.65].

Với những lý do trên và mong muốn góp phần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp và chuẩn mực nhằm mục đích bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài: *“Pháp luật tố tụng phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX”* làm luận án tiến sỹ luật học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Thông qua nghiên cứu quá trình hình thành phát triển, hình thức và nội dung của pháp luật tố tụng Phong kiến Việt Nam (PKVN) từ thế kỷ XV-XIX, luận án làm sáng tỏ những thành tựu, giá trị và khả năng tiếp thu, ứng dụng trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật tố tụng và cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Thứ nhất, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước, khu vực và quốc tế về pháp luật tố tụng quân chủ phong kiến Việt Nam.

Thứ hai, những vấn đề về lý luận và lịch sử về pháp luật tố tụng của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XV-XIX.

Thứ ba, nghiên cứu nội dung pháp luật tố tụng của các triều đại Lê Trịnh Nguyễn thông qua các Bộ luật, Hội điển và trong chính sử.

Thứ tư, tìm ra những giá trị lịch sử và đương đại, những tiến bộ và hạn chế trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng của nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Luận án tập trung nghiên cứu các quan điểm khoa học về pháp luật tố tụng, nội dung của pháp luật tố tụng PKVN thế kỷ XV-XIX và quan điểm tiếp nhận pháp luật truyền thống trong xây dựng pháp luật đương đại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Về *thời gian*, pháp luật tố tụng của nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam từ 1428 đến 1884. Về *không gian*: miền Bắc thời Lê đến cả hai miền Bắc Nam triều Nguyễn.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận của luận án

Luận án nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phương pháp luận luật học, sử học, kinh tế học, chính trị học, hành chính học và logic học.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Luận án đã sử dụng những phương pháp phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội, những phương pháp nghiên cứu đặc thù trong nghiên cứu khoa học pháp lý và khoa học lịch sử như: thống kê, so sánh, phân tích, chứng minh...Luận án dựa trên cách tiếp cận liên ngành, đa ngành khoa học xã hội để nghiên cứu và luận giải về pháp luật tố tụng trong bức tranh tổng thể của xã hội Việt Nam thời quân chủ.

5. Những đóng góp mới về nghiên cứu khoa học của luận án

Thứ nhất, Luận án đã nhận diện về lý luận và lịch sử, phân tích tính đặc thù của thể chế quyền lực tư pháp trong nhà nước quân chủ.

Thứ hai, Luận án trình bày bức tranh tổng thể về pháp luật tố tụng PKVN, đồng thời đi sâu phân tích quá trình hình thành và phát triển của pháp luật tố tụng phong kiến Việt Nam thế kỷ XV-XIX.

Thứ ba, Luận án làm sáng tỏ một số nội dung và tính dân tộc đặc sắc của pháp luật tố tụng quân chủ: thẩm quyền và trình tự tố tụng, thủ tục tố tụng, quy trình tố tụng, hoạt động và giám sát tố tụng, phân loại vụ việc trong tố tụng, án lệ và các tiền lệ tư pháp, phạt tiền và chuộc hình phạt bằng tiền; chế độ Đình nghị, Thu thẩm và Tam pháp ty.

Thứ tư, Luận án bước đầu nhận diện và phân tích tính độc đáo, tiến bộ của một số chế định pháp luật tố tụng PKVN thế kỷ XV-XIX.

Thứ năm, Luận án chỉ ra những giá trị lịch sử và giá trị đương đại cũng như khả năng tiếp nhận các giá trị đó trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng, cải cách tư pháp xây dựng Nhà nước Pháp quyền; Bảo vệ bảo hộ công dân ở Việt Nam, kết nối khu vực và thế giới hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học & thực tiễn của đề tài

Luận án làm sáng tỏ thực tiễn lập pháp, giá trị lịch sử pháp lý của pháp luật tố tụng truyền thống, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm về lập pháp, xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng trong hoạt động tư pháp xét xử, đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng đương đại.

7. Kết cấu của luận án: Nội dung của luận án ngoài lời cảm ơn, lời cam đoan, bảng ký hiệu viết tắt, mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, bao gồm có 4 chương.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Khái lược về tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Các công trình chuyên khảo, tham khảo tiêu biểu

Nghiên cứu lý luận & lịch sử: Công trình thứ nhất: “*Pháp chế sử*” (1967) của Vũ Quốc Thông có thể được coi là công trình nghiên cứu tiêu biểu nhất về chính thể quân chủ và tổ chức hành chính tư pháp phong kiến Việt Nam. Tác giả đã nhận định về pháp luật tố tụng từ sau năm 1649 rằng: “Không những cách tổ chức pháp đình được ấn định rõ ràng mà cả các thể thức tố tụng như là cách thức đệ đơn kiện, cách thức điều tra và xét xử các vụ tranh tụng, cách thức kháng tố các bản án cũng đã được quy định một cách rất minh bạch.” [209, tr. 375]. Quốc triều khám tụng điều lệ đã quy định khá rành mạch về các vụ kiện tụng, về thẩm quyền và thủ tục tố tụng.

Công trình nghiên cứu thứ hai: Cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử Diễn giảng, trong đó có phần “*Đại cương về tổ chức tư pháp và tố tụng trong cổ luật*” (1974) của GS. Vũ Văn Mẫu [146, tr.227-265]. Nghiên cứu về QTKTĐL, thấy rõ sự tiến bộ về kỹ thuật pháp lý, sự phân biệt tương đối rõ ràng giữa luật nội dung và luật thủ tục trong pháp luật tố tụng và cho rằng: “*Trong lịch sử cổ pháp Á Châu, đây là bộ luật duy nhất về thủ tục tố tụng và tổ chức các nha môn xử án*”. Điều này chứng tỏ rằng trong cựu pháp, nhà làm luật Việt Nam đã ý thức được đầu tiên về sự phân biệt các luật pháp về nội dung và các luật pháp liên quan đến thủ tục” [146, tr.265]. Điều này rất quan trọng trong các tranh tụng và tài phán quốc tế, việc thống nhất về hình thức và các thủ tục là cơ sở đề tài phán về nội dung. Đây là vấn đề trọng tâm của công pháp tụng quốc tế.

Nghiên cứu hình thức và nội dung: Công trình nghiên cứu thứ ba: “*Nghiên cứu về hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV - XVIII*” (1994) trong đó có bài viết của tác giả Phạm Điềm về “*Pháp luật tố Tụng*” [165, tr. 245 - 262]. Đây là công trình nghiên cứu về pháp luật tố tụng triều Lê, đề cập hai nội dung chính trong Quốc Triều Hình Luật (QTHL) và Quốc Triều Khám Tụng Điều Lệ (QTKTĐL): Thứ nhất, thẩm quyền và trình tự tiến hành tố tụng; Thứ hai: thủ tục tố tụng, thụ lý việc kiện & sự phân xử. Tác giả cho rằng pháp luật tố tụng thời Lê “là một di sản quý báu và đặc sắc” .

Công trình nghiên cứu thứ tư: “*Lịch sử luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*” (2003) của TS. Trần Quang Tiệp [214, tr. 7 - 46]. Tác giả cho rằng: “Pháp luật tố tụng hình sự thời kỳ này đã đạt được một số thành tựu nhất định, thể hiện tư tưởng nhân đạo, nhân văn trong hoạt động tố tụng hình sự của cha ông chúng ta lúc bấy giờ” [214, tr. 46].

Công trình nghiên cứu thứ năm: Bài viết về “*Pháp luật tố tụng PKVN trong bộ QTHL*” của TS. Hoàng Thị Minh Sơn được in trong cuốn “*QTHL – Lịch sử hình thành nội dung và giá trị*” (2004) chủ biên là TS. Lê Thị Sơn. Nội dung khái lược về trình tự tố tụng qua các giai đoạn: khởi tố, điều tra, truy tố, xét hỏi, xét xử và thi hành án [97, tr. 267 - 287]

Công trình nghiên cứu thứ sáu: “*Định chế pháp luật và tố tụng triều Nguyễn (1802–1885)*” (2017). Tác giả Huỳnh Công Bá nhận định: “Triều Nguyễn tổ chức ra được một hệ thống hoạt động về tư pháp có kỷ cương, chặt chẽ, dựa trên một nền pháp chế chuyên chế có hiệu lực” [63, tr. 569].

Các công trình nghiên cứu tổng luận: Lịch triều Hiến chương loại chí (1819) của Phan Huy Chú. Cuốn “*QTHL những giá trị lịch sử và đương đại góp phần XD NNQP ở Việt Nam*,” (2008) [190, tr. 381,404]. Bùi Xuân Đỉnh (1998) với “*Lệ làng phép nước*”; “*Hương ước và quản lý làng xã*” [79, 80]. Lê Đức Tiết “*Hương ước lệ làng*” (1998), “*Luật Hồng Đức*” (2010) [215, 216, 204] Đức trị và Pháp trị [108, 110, 115, 131, 144, 152, 155, 157, 161, 173, 212, 213, 223, 31]. Ngoài ra còn có các đề tài khoa học, bài tạp chí, luận án, luận văn có nội dung về pháp luật tố tụng quân chủ phong kiến Việt Nam.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Nghiên cứu chung về lý luận & lịch sử: Một thực tế ở Việt Nam, khu vực và trên thế giới là nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và lịch sử pháp luật tố tụng PKVN còn khá sơ lược, chưa đầy đủ, chưa toàn diện [88, 89, 135, 141, 235, 236] [57, p.14]. Công trình “*A history of Vietnam*” tác giả Keith Weller Taylor là một cách nhìn mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội truyền thống.

Nghiên cứu sơ lược về hình thức và nội dung luật tố tụng:

Công trình của Deloustal, Aubaret, Philastre, Lingat người Pháp sơ lược về cổ luật Việt Nam, của luật sư Phan Văn Trường về pháp luật triều Nguyễn so sánh với Luật Đại Thanh.

Tại Hoa Kỳ, tác giả Nguyễn Ngọc Huy, Tạ Văn Tài, Trần Văn Liêm với “*The Lê Code, Law in traditional Vietnam*”, Acomparative Sino – Vietnamese Legal Study with Historical – Juridical Analysis Annotations. “*Le code des:Quoc Trieu Hình Luat ou lois penales de la dynastie nationale*”. Dịch thuật và Nghiên cứu chung về QTHL [238, p.173] [57, 141, 228]. Học giả InsunYu người Hàn Quốc trong cuốn “*Pháp luật với xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*” nghiên cứu về “*QTKTĐL*” nhằm thúc đẩy việc giải quyết công bằng và nhanh chóng các vụ kiện vì lợi ích của nhân dân” [113, tr. 65]. Học giả InSunYu đã nhận xét vấn đề tố tụng trong chính quyền Lê Trịnh ở một góc độ khác. Ông cho rằng “*Sự bất công trong tố tụng một phần là do sự sa đọa của các quan chức, một phần là do sự can thiệp của*

các nhóm có quyền thế” [113, tr. 64]. Tác giả trích lời của Samuel Baron rằng: “Nếu họ mua đất các chức vị, thì chắc hẳn là họ sẽ tìm được nhiều lợi thế nhất ở đó và làm tổn hại cho lẽ phải và công lý” [113, tr. 233, 234]. Những nhận định trên có lẽ cần được nghiên cứu kỹ càng để lý giải sâu hơn về nguyên nhân và hệ quả của hiện trạng này trong đời sống Tòa án ở Việt Nam thời trung đại.

1.1.3 Hệ thống tư liệu nghiên cứu

Có thể chia thành hai loại hệ thống tư liệu cơ bản: *Thứ nhất*: văn bản pháp luật; *Thứ hai*: các bộ sử biên niên và các thư tịch.

1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu

1.2.1. Nhận xét tổng quát về tình hình nghiên cứu

Nhìn tổng thể thì đã có một số công trình nghiên cứu về pháp luật tố tụng PKVN nhưng vẫn còn thiếu những công trình nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về pháp luật tố tụng quân chủ và thời Lê Thánh Tông.

1.2.2. Những nội dung nghiên cứu đã được làm sáng tỏ

Một là, những vấn đề chung về lý luận lịch sử và tổ chức nhà nước và pháp luật PKVN như: chế độ chính trị, hình thức chính thể quân chủ.

Hai là, hệ thống pháp luật tố tụng PKVN trong bộ QTHL và Hoàng Việt Luật Lê (HVLL), nội dung bộ QTKTĐL đã được đề cập và nghiên cứu sơ lược. Vũ Văn Mẫu & Vũ Quốc Thông là hai học giả tiêu biểu.

Ba là, giá trị của pháp luật Việt Nam thời quân chủ qua cách nhìn tổng hợp về bộ QTHL, sơ lược về QTKTĐL thời Lê, HVLL triều Nguyễn.

1.2.3. Những vấn đề cần được nghiên cứu bổ sung

Thứ nhất, cần làm sáng tỏ khái niệm, vị trí vai trò, nguyên tắc, đặc điểm, bản chất; về cơ cấu tổ chức, các chủ thể tham gia quá trình tố tụng.

Thứ hai, cần làm rõ mối liên hệ giữa các loại văn bản pháp luật (VBPL) từ Bộ luật đến Hội điển, từ luật hình thức đến luật nội dung và luật thủ tục.

Thứ ba, so sánh pháp luật tố tụng thời Lê Thánh Tông, Lê Trịnh và Triều Nguyễn. Làm sáng tỏ thêm các VBPL chuyên sâu về tố tụng như: “*Quốc triều Hồng Đức niên gian chư cung thể thức*”, “*Nhân mạng tra nghiệm pháp*”, “*Từ tụng điều lệ*”, “*Quốc triều khám tụng điều lệ*”, mối quan hệ của các văn bản này với QTHL, HVLL, từ Điều luật đến Điều lệ, lệnh và lệ [54, 55, 56].

Thứ tư, về xây dựng mô hình tố tụng, đảm bảo tính thống nhất từ thiết kế tổ chức, vận hành và hiệu quả thực thi trong cơ chế “văn võ song toàn”. Về thời hiệu, chứng cứ, chứng minh, sự phán quyết và thi hành bản án.

Thứ năm, về thực tiễn vận hành và áp dụng pháp luật tố tụng PKVN.

Thứ sáu, vị trí tối thượng của vua Lê, chúa Trịnh và vua Nguyễn trong bộ máy quyền lực tư pháp, khảo cứu về hành chính, kinh tế, quân sự.

Thứ bảy, về án từ (Án lệ - Lệ án). Ví dụ như về “*Hương hóa điền sản*”, “*Tiền lệ Giáp Ất*”, “*Nguyễn Mỗ*” trong QTHL, HĐTCT, HVLL [31-35].

Các đề xuất, kiến nghị cần hướng đến cải cách hệ thống tư pháp vì công lý nhân quyền nhân văn, kết hợp truyền thống và đương đại. Đó là bài học từ giá trị của cổ luật Việt Nam trong đó có pháp luật tố tụng.

1.3. Cơ sở lý luận, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu của đề tài

1.3.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu của đề tài

Thứ nhất: Dựa trên quan điểm chủ nghĩa Marx Engels Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lập trường của Đảng và nguyên lý pháp luật.

Thứ hai: Vận dụng quan điểm pháp luật tố tụng truyền thống với ý thức hệ tư tưởng dân tộc độc lập, chủ quyền quốc gia và an ninh xã hội.

Thứ ba: Vấn đề lý luận và lịch sử về tổ chức và kiểm soát quyền lực của nền quân chủ Việt Nam ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu của đề tài

- (1) Những vấn đề lý luận và lịch sử về pháp luật tố tụng PKVN là gì?
- (2) Những đặc điểm đặc trưng bản chất của pháp luật tố tụng PKVN ?
- (3) Mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong chính thể quân chủ?
- (4) Hình thức và nội dung cơ bản của pháp luật tố tụng PKVN ?
- (5) Những thành tựu, hạn chế và những bài học kinh nghiệm ?
- (6) Những giá trị lịch sử và đương đại của PLTT PKVN ?

1.3.3. Những giả thuyết nghiên cứu của đề tài

Giả thuyết 1: Không có hệ thống Tòa án độc lập, không có chức danh Thẩm phán chuyên nghiệp trong chính thể quân chủ PKVN.

Giả thuyết 2: Luật tố tụng chuyên ngành được ban hành từ thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Việt Nam là một trong những quốc gia ban hành Bộ luật tố tụng sớm nhất trên thế giới.

Giả thuyết 3: Pháp luật tố tụng PKVN có nhiều ưu điểm: về lập pháp, hình thức, nội dung, thủ tục và thi hành án. Hạn chế là công cụ bạo lực để thanh trừng chính trị; chế độ lưu trữ án từ thiếu khoa học & chuyên nghiệp.

Giả thuyết 4: Pháp luật tố tụng của nhà nước quân chủ PKVN thể hiện tính đặc quyền, quý tộc, tính giai cấp, xã hội, tính dân tộc & thời đại, tính nhân văn. Thực tiễn án từ là “hàn thử biểu” cho công lý của tòa án.

Giả thuyết 5: Có nhiều những giá trị tiềm ẩn của nền văn hóa pháp lý dân tộc Việt Nam mà chúng ta có thể học tập và phát huy trong quá trình hội nhập & phát triển. Thể hiện sự kết hợp hài hòa yếu tố Đại Việt & Trung Hoa.

Những giả thuyết nghiên cứu của đề tài ở trên hầu hết là giả định đúng.

Kết luận chương 1: Pháp luật tố tụng PKVN đã được các luật gia nghiên cứu sơ lược trên cơ sở khảo cứu các Bộ luật, Hội điển, Điển chế, các VBQPPL, tập hợp Thư tịch và các Bộ sử biên niên. Một số VBPL tố tụng thời Lê Thánh Tông và Lê Trịnh chưa được nghiên cứu hệ thống chuyên sâu, những đánh giá nhận định còn mâu thuẫn, chưa có sự so sánh giữa thời Lê với thời Nguyễn. Mặc dù đã có những thành công nhất định, nhưng nếu xét một cách tổng thể thì pháp luật tố tụng trong giai đoạn từ thời Lê sang thời Nguyễn vẫn còn nhiều nội dung đê ngò.

CHƯƠNG 2. NHẬN DIỆN VỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ PHÁP LUẬT TỐ TỤNG PHONG KIẾN VIỆT NAM THẾ KỶ XV - XIX

2.1. Nhận diện về lý luận pháp luật tố tụng PKVN

2.1.1. Những vấn đề lý luận về pháp luật tố tụng

Sơ lược lý luận và lịch sử pháp luật tố tụng. Lịch sử loài người từ xa xưa đã manh nha hình thành quan niệm cơ bản về hoạt động tố tụng. Đến thế kỷ XV-XVII ở Tây Âu dần hình thành tổ chức tòa án công tố và luật sư, hướng đến quyền tài sản và quyền con người.

Quan niệm, khái niệm về pháp luật tố tụng. Từ điển Hán - Việt giải thích: “*Tố là báo, là nói ra, tố cáo; Tụng là kiện cáo, tranh cãi đúng sai*” [221, tr. 545]. Từ điển Pháp - Việt cũng có nghĩa tương tự: tố cáo (accuser, dénoncer), tố tụng, kiện tụng, vụ kiện, tranh cãi, tranh kiện (procès, plaider, cause, contester, litige) [86, tr. 771-1003 - 1113]. Theo từ điển Anh - Việt thì: tố tụng là kiện tụng, tranh tụng, tranh chấp, cửa kiện (law litigate) nghĩa là hầu toà, dự phiên tòa; kiện cáo, tranh chấp trước toà; Là quá trình tố tụng bằng các thủ tục pháp lý, trật đòi, lệnh tòa (process) [172, tr.126].

Các triều đại PKVN thường coi trọng mục đích của pháp luật là hướng tới an dân, củng cố chính quyền, xử lý vi phạm, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội. Năm 1042, Lý Thái Tông sai quan Trung Thư biên soạn bộ Hình thư của triều đại, vua xuống chiếu ban hành. “*Từ đó phép xử án được bằng thẳng rõ ràng, dân lấy làm tiện dụng*”[23, tr.263]. Vua Lê Thánh Tông [24, tr.401] và vua Hiến Tông, năm Cảnh Hưng thứ 38 (1777) sửa định điều lệ xét xử kiện tụng, *cốt làm cho chính sự công bằng, kiện tụng đúng phép, dân được thịnh vượng yên vui, để xứng đáng chức vụ*”[10, tr.303]. Đến triều Nguyễn, Hoàng đế Gia Long cũng đặc biệt coi trọng việc *dùng luật pháp để xử tội, dùng đạo đức để giáo hóa họ, hai điều ấy không thiên bên nào bỏ bên nào*”[31, tr.1]. Vua Minh Mệnh là người đề cao Pháp trị trong tính ứng dụng thực hành [51; 52; 53].

Một cách tư duy hình ảnh, đó là con tàu, là dòng sông, là con thuyền chở luật nội dung vào thực tiễn và ngược lại. Có thể khái quát quan niệm, khái niệm về pháp luật tố tụng từ truyền thống đến đương đại như sau: *Pháp luật tố tụng là tập hợp những quy định mang tính nguyên tắc về toàn bộ quá trình hoạt động tố tụng, được tiến hành theo một trình tự, thủ tục nhất định để xét xử các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, hành chính, quân sự hoặc giải quyết các vụ việc tranh chấp khác nhằm bảo vệ con người, bảo vệ nhà nước và xã hội cộng đồng, hướng đến công lý, công bằng, sự ổn định và phát triển.* Cũng cần tìm hiểu những khái niệm khác có liên quan như thẩm quyền tố tụng, thủ tục, trình tự tố tụng, quy trình tố tụng, hoạt động tố tụng.

2.1.2. Vị trí vai trò của pháp luật tố tụng phong kiến Việt Nam

Vị trí của pháp luật tố tụng PKVN thể hiện trong cấu trúc của hai bộ luật hiến chương là QTHL & HVLL và QTKTĐL. Vai trò của luật tố tụng là công cụ bảo vệ pháp luật, phòng ngừa vi phạm, xử phạt tội lỗi, khắc phục hậu quả và đem lại công lý cho từng thể xã hội. “*Pháp luật là công cụ giúp cho việc cai trị thêm tốt đẹp,*” [31, tr.1 - 3]

2.1.3. Những nguyên tắc cơ bản trong pháp luật tố tụng PKVN

Có thể khái lược một số nguyên tắc cơ bản như sau: *Một là:* Bảo vệ vương quyền và chủ quyền an ninh quốc gia; *Hai là:* Xét xử theo các cấp chính quyền và

thẩm quyền chuyên môn; *Ba là*: Coi trọng chứng cứ, đảm bảo tính độc lập, tập quyền trong hoạt động xét xử; *Bốn là*: Quy định rõ trách nhiệm & kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tố tụng. *Năm là*: Một số nguyên tắc chuyên ngành mang tính chuyên biệt như: Vô luật bất hình, hồi tố bất hồi tố, Bất nghị, thân thuộc che giấu tội cho nhau, chiếu cố giảm nhẹ hình phạt, phép nhuận đồ nhuận tử, người dân tộc phạm tội, phạt tiền và chuộc hình phạt bằng tiền, đại xá, ân xá; biện minh oan uổng, tính tang luận tội, chiết bán khoa tội, xuất nhập nhân tội. Các nguyên tắc này chi phối toàn bộ quy trình tố tụng, các quan lại khi vận hành, ứng dụng pháp luật đều phải tôn trọng và tuân thủ.

2.1.4. Đặc điểm, hình thức và bản chất của pháp luật tố tụng PKVN

Một là: Dân tộc và thời đại. Đức trị và Pháp trị vừa là nền gốc vừa là mục tiêu của hệ thống pháp luật tố tụng truyền thống Việt Nam.

Hai là: Tiến trình lập pháp thời Lê Trịnh Nguyễn luôn có tính kế thừa và phát triển sáng tạo.

Ba là: Hình thức cấu trúc và nguồn văn bản pháp luật bao gồm: Bộ luật, Hội điển, Điển chế và các văn bản bổ sung. Kết hợp hài hòa giữa các nguồn luật, giữa Đại Việt và Trung Hoa.

Bốn là: Nội dung bản chất đặc trưng các chế định pháp luật tố tụng: bảo vệ chính thể quân chủ, cá nhân, gia đình, xã hội. Thể hiện tính giai cấp quý tộc, tính xã hội, tính nhân dân và tính dân tộc đặc sắc.

Năm là: Quá trình áp dụng và thực thi hiệu quả của pháp luật tố tụng trong đời sống thực tiễn xã hội cộng đồng: một số vụ án điển hình.

Việt Nam là một trong những quốc gia ban hành Bộ luật chuyên ngành tố tụng đầu tiên ở châu Á và thế giới.

2.2. Cơ sở và quá trình hình thành phát triển của pháp luật tố tụng phong kiến Việt Nam

2.2.1. Cơ sở kinh tế xã hội và hệ tư tưởng chính trị pháp lý

Cơ sở kinh tế xã hội nông nghiệp lúa nước & xã hội cộng đồng làng xã cùng với sự gắn kết khá chặt chẽ của quan hệ gia đình dòng họ. *Cơ sở tư tưởng chính trị pháp lý* tác động đến pháp luật tố tụng PKVN: Đó là thể chế quân chủ tập quyền, nhà vua là vị thẩm phán tối cao của nhà nước.

Quan điểm dân tộc độc lập cùng với tôn quân, chính danh, tiên vương chi pháp, hậu vương chi pháp, “Đức chủ Pháp bổ” là ý thức hệ tư tưởng chủ đạo trong chế độ công vụ hành chính tư pháp và quan chế PKVN. *Nho gia* được đề cập đến trong Tứ thư Ngũ kinh với Khổng Tử, Mạnh Tử và các nhà Nho [222]. Với Lã hình, Ngũ thính, Ngũ hình, Ngũ phạt, Ngũ lỗi, Ngũ đồ ¹. Theo đó: “Xử

¹ *Ngũ thính*: Nghe bằng lời nói, hơi thở, nghe bằng tai, nhìn sắc thái, quan sát bằng mắt.

Ngũ hình: Năm hình phạt thời thời thượng cổ: Mặc (thích chữ vào trán), tỵ (cắt mũi), phỉ (Chặt chân), cung (Thiến, biệt giam), tịch (giết chết); Năm hình phạt trong bộ luật: Xuy, Trượng, Đồ, Lưu, Tử.

Ngũ phạt: năm mức phạt tiền (Thục tội)

Ngũ lỗi: cây quyền, cây thân, cây quan, gian trá, đút lót.

Ngũ đồ: Theo Hàn Phi Tử có năm loại quan như loài sâu mọt làm mục ruỗng chế độ [104, tr. 409].

kiện phải có lòng thương xót kẻ có tội, cung kính trong việc xét xử. Phải nắm vững luật pháp, cùng mọi người nghiên ngẫm mới mong có được sự sự ngay thẳng [121, tr.365] [123]. *Pháp gia* quản trị xã hội bằng pháp luật và hình phạt. Pháp thế thuật là hồn cốt của trường phái Pháp gia [165, tr.247 - 320]. Đạo gia là giá trị của tư tưởng chính trị pháp luật thời Lý Trần trong “*Tam giáo đồng nguyên*”. Pháp luật PKVN hội nhập khu vực Đông Á, Nam Á, tiếp nhận học thuật và tư tưởng từ hai nền văn minh Trung - Ấn song vẫn không làm mờ đi bản ngã của dân tộc mình. Điều này càng được minh chứng khi tiếp cận bản chất, đặc trưng Việt hóa của pháp luật quân chủ phong kiến Việt Nam.

2.2.2. Chính thể quân chủ thiết lập nên chế độ công vụ HC tư pháp

Cấu trúc nhà nước quân chủ là thống nhất, tập quyền chuyên chế [58].

Điều chỉnh quan hệ trong chế độ công vụ hành chính tư pháp, QTHL có 354/722 điều; HVLL có 229/398 điều về quan lại và trách nhiệm công vụ hành chính tư pháp quân sự của quan lại, chiếm tỷ lệ hơn 50%. “Nước trị hay loạn cốt ở trăm quan,.. Chọn bổ được quan giỏi thì nước nhà thịnh trị.

2.2.3. Quá trình xây dựng và phát triển pháp luật tố tụng PKVN

Các giai đoạn lập pháp tố tụng trong tiến trình qua các triều đại, từ cội nguồn thời Văn Lang Âu Lạc, trải qua thời Bắc thuộc, từ nhà Lý Trần, Lê Sơ, Lê Trịnh đến triều Nguyễn và theo dòng lịch sử ảnh hưởng đến tận thời nay. Nhà Lê với QTHL, Lê Thánh Tông được coi là một trong những nhà lập pháp tài năng nhất. Thời Lê Trịnh, Hội điển, Điển chế và bộ QTKTĐL ban hành năm 1777. Triều Nguyễn thống nhất pháp luật tố tụng Đàng Trong & Đàng Ngoài, xây dựng HVLL, Hội điển và Tiền lệ tư pháp.

2.2.4. Mối quan hệ và các yếu tố ảnh hưởng giữa pháp luật tố tụng PKVN với Trung Quốc và các nước khác

Với việc ban hành 4 Luật và Bộ luật chuyên về tố tụng từ năm 1468 đến 1777, các nhà lập pháp Việt Nam đã ghi danh là một trong những quốc gia có Luật pháp điển chuyên ngành tố tụng đầu tiên trong lịch sử châu Á và thế giới [54, 55]. Cho dù có nhiều ảnh hưởng từ Trung Hoa nhưng Đại Việt đã khẳng định được giá trị tiên bộ phát triển sáng tạo.

Kết luận chương 2

Từ góc độ lý luận và lịch sử, có thể nhận diện về quan niệm khái niệm, vị trí vai trò, nguyên tắc, đặc điểm và đặc trưng bản chất, hình thức và nội dung của pháp luật tố tụng phong kiến Việt Nam, đánh giá tính tích cực của quá trình hình thành phát triển của pháp luật tố tụng. Lịch sử phát triển là một quá trình lâu dài với việc ban hành được những Bộ luật lớn như QTHL, QTKTĐL, HVLL để lại những di sản có giá trị về xây dựng và áp dụng pháp luật cho việc phát triển pháp luật của các nhà nước sau này. Pháp luật thời Lê Trịnh Nguyễn dường như đã thâm nhập vào cuộc sống cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng và quan trường. Ngày nay nó như mạch ngầm vẫn chảy mãi trong dòng sông của lịch sử văn minh chính trị pháp lý Việt Nam. Nhiều quy phạm của cổ luật Việt Nam đã trở thành phong tục tập quán và được người dân mặc nhiên thừa nhận.

CHƯƠNG 3. NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG PHONG KIẾN VIỆT NAM THẾ KỶ XV – XIX

3.1. Những quy định pháp luật về sự phân cấp hệ thống hành chính tư pháp tổ tụng trong chính thể quân chủ PKVN thế kỷ XV – XIX

3.1.1. Chế định về cơ quan hành chính tư pháp tổ tụng ở địa phương

Một là, cấp huyện (châu): Đây là cơ quan xét xử thấp nhất trong hệ thống cơ quan tổ tụng địa phương. Cấp xã trước năm 1718 có thẩm quyền hòa giải và xét xử những vụ tội tiêu sự; sau năm 1718 hỗ trợ cấp huyện, châu, phủ trong quá trình tổ tụng. *Hai là*, cấp phủ, lộ, trấn, đạo xứ, tỉnh: Quan phủ, lộ trấn, xứ, tỉnh, xét xử các vụ án, vụ việc mà cấp huyện, châu, trình lên hoặc các vụ án lớn, nghiêm trọng trong cấp xứ tỉnh [54, tr.270].

3.1.2. Chế định về cơ quan hành chính tư pháp tổ tụng ở trung ương

Đứng đầu triều đình là nhà vua toàn quyền quản lý tư pháp trung ương.

Một là: Hình bộ, Đại lý tự, Ngự sử đài, Đô sát viện [54, tr.270].

Hai là: Cấp tối cao xét xử chung thẩm thuộc về nhà vua và Hội đồng triều thẩm: Ngự sử đài, Chánh Đường và Tam pháp ty, Đình Nghị.

Bên cạnh đó, các cơ quan Lục Bộ, Lục phiên cũng có thẩm quyền xét xử các vụ việc theo thẩm quyền quản lý về chuyên môn. Định chế này tạo sự đồng bộ thống nhất về chức năng quản trị và xử lý vi phạm chuyên ngành.

3.1.3. Chế định về cơ quan kiểm soát giám sát tư pháp tổ tụng

Nguyên tắc kiểm soát, giám sát tổ tụng quy định rất khoa học và chặt chẽ. Hình thức giám sát theo ngành dọc, cấp trên kiểm soát giám sát trực tiếp cấp dưới, *ba tầng, ba bậc, ba cơ quan*, giám sát độc lập như: Lục Bộ, Lục Khoa, Lục Tự, Ngự sử đài, Đô sát viện, Nội các; Địa phương theo cơ chế Tam Ty thời Lê và cơ chế giám sát của Tổng Đốc, Tuần phủ với Bố chính, Án sát, Lãnh binh thời Nguyễn [56, tr.120 -124] [51, tr.182,222].

[Biểu bảng 1&2, So sánh QTHL, QTKTĐL và HVLL]

Bảng 1: Cơ quan tư pháp tổ tụng và giám sát từ địa phương đến trung ương

CƠ QUAN TỔ TỤNG	QTHL	QTKTĐL
	1230 - 1428 - 1788	1470 - 1777 - 1788
CƠ QUAN TỔ TỤNG ĐỊA PHƯƠNG & KINH ĐÔ	Xã - Huyện (Châu) – Phủ Lộ - Trấn (Đạo Xứ)	Huyện (Châu) – Phủ Xứ thừa tuyên (Tam ty: Đô ty (Trần thủ - Trần ty, Đốc trấn), Thừa ty, Hiến ty
	Kinh đô - Phủ doanh đường Đông Kinh	Kinh đô - Phủ doanh đường Phủ trung đô
CƠ QUAN TỔ TỤNG TRUNG ƯƠNG	<i>Hình Bộ</i> (Thẩm hình viện) (Ngũ hình viện) - Hình khoa [Hình quan] [Tri từ tụng] <i>Ngự sử đài</i>	Lục bộ - Hình Bộ Lục phiên <i>Ngự sử đài</i> <i>Chánh đường phủ chúa</i> (Ngũ phủ, Phủ liêu)
	Đại thần Hội đồng Tranh biện và Quyết tụng	Công đồng xử đoán (Tham tụng & Bồi tụng)
	Vua	Chúa

Bảng 2: So sánh cơ quan tư pháp và giám sát tố tụng giữa QTHL và HVLL

CƠ QUAN TỐ TỤNG	QTHL 1230 -1428 - 1788	HVLL 1815 - 1884
CƠ QUAN TỐ TỤNG ĐỊA PHƯƠNG & KINH ĐÔ	Xã - Huyện - Châu – Phủ Lộ (Trần – Đạo Xứ thừa tuyên): Trần thủ - Đốc trấn, Thừa ty, Đô ty, Hiến ty	Huyện (Châu) – Phủ Tỉnh: Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, An sát, Lãnh binh
	Kinh đô - Phủ doãn đường (Phủ trung đô) (Đông kinh – Thăng Long)	Kinh đô - Phủ doãn đường (Phủ Thừa Thiên) Kinh đô Huế
CƠ QUAN TỐ TỤNG TRUNG ƯƠNG	Hình Bộ (Thâm hình viện) (Ngũ hình viện) – Hình khoa Ngự sử đài [Hình quan] [Tri từ tụng]	Hình Bộ Đô sát viện (Khoa – Đạo) Đại lý tự Tam pháp ty
	Đại thần Hội đồng Tranh biện và Quyết tụng Triều đình TW	Công đồng - Đình nghị Hội đồng Tam pháp ty Hội đồng Chung thẩm Quyết tụng TW
	Vua	Vua

3.1.4. Pháp luật về mối quan hệ giữa các cơ quan tư pháp quân chủ

3.1.4.1. *Chế định pháp luật về mối quan hệ cấp trên kiểm soát cấp dưới:* Theo cơ cấu hành chính, chủ thể trung ương kiểm soát địa phương, cấp trên kiểm soát cấp dưới; Ngự sử đài, Chánh đường phủ chúa, Đô sát viện; Người ra quyết định cuối cùng là vua và chúa [54, tr.117 - 119].

3.1.4.2. *Chế định về mối quan hệ cấp dưới phục tùng cấp trên:* Quy định trong QTHL, QTKTĐL, HVLL, đều theo nguyên tắc tập quyền, phục tùng cả về mệnh lệnh hành chính, quân sự và tư pháp [54, tr.114].

3.2. Những quy định pháp luật về thẩm quyền xét xử các vụ án, giải quyết các vụ việc tố tụng của nhà nước PKVN (XV –XIX)

3.2.1. Thẩm quyền xét xử trong hoạt động tư pháp tố tụng thời Lê Sơ (1428-1527)(Quốc triều hình luật & Hiệu định quan chế)

3.2.1.1. Thẩm quyền xét xử ở cấp địa phương thời Lê Sơ

Trong QTHL, Điều 672 - QTHL quy định (cấp sơ thẩm)“ Nhân dân trong lộ, trong huyện có việc tranh kiện nhau. Việc nhỏ đến kiện ở Lộ quan,, [46] [55, tr. 245, 499]. Cải cách Lê Thánh Tông đã tạo nên sự thống nhất về các đơn vị hành chính và sự thay đổi về các cấp xét xử như: Huyện, phủ, đạo xứ với cơ chế Tam ty: Đô ty, Thừa ty, Hiến ty (Tòa đô, Tòa thừa, Tòa Hiến). Cải cách có giá trị chuẩn mực, hài hòa, bền vững.

3.2.1.2. Thẩm quyền xét xử ở cấp trung ương thời Lê Sơ

Bộ QTHL quy định: Việc tâu trình lên Kinh thành theo trình tự, cấp cuối cùng thành lập Hội đồng quan án, “Nếu chứng cứ đã rõ ràng thì cứ chiếu tình trạng mà

định án., (Điều 667, 668 - QTHL) (Điều 669, 673, 675, 687, 689 - QTHL) (Điều 720, 721 - QTHL). Quy định về luật Hôi ty nhằm đảm tính khách quan trong việc xét xử vụ án [57].

3.2.2. Thẩm quyền xét xử trong hoạt động tố tụng thời Lê Trịnh (1599 – 1786) (Quốc triều khám tụng điều lệ)

3.2.2.1. Thẩm quyền xét xử ở cấp địa phương thời Lê Trịnh

QTKTĐL quy định tương đối rõ ràng, cụ thể. Thông lệ về khám tụng quy định: “*Tất cả những việc không phải là tạp tụng, cho cáo tại quan huyện.*”, [54, tr.270, 271] các vụ án có tính chất nghiêm trọng như “*thù sát, dâm sát, ẩu sát đều cáo tại quan phủ...phúc thẩm tại Thừa ty.*”, QTKTĐL quy định rõ ràng hơn thời Lê Sơ và QTHL [54, tr.177].

3.2.2.2. Thẩm quyền xét xử ở cấp trung ương thời Lê Trịnh

Theo QTKTĐL cấp trung ương chủ yếu Hình bộ, Đại lý tự, Ngự sử đài và Chánh đường. *Chánh đường Phủ chúa Trịnh*, dân thân hết binh quyền và tố tụng quyền của triều đình vua Lê. “*Ngày thị chính.*”, làm đầy đủ tờ “*Khải phúc minh.*”, [54, tr.277, 278]. Kinh đô đều cho “*khieu tố lên quan Ngự sử, phúc khieu tại quan Chánh đường.*”, Đặc biệt đối với các vụ việc ở Tôn nhân phủ (thuộc Hoàng tộc), các Tôn nhân tranh nhau tài sản ruộng đất, cưới xin, đánh chửi nhau, tạp tụng đều khieu nại ở Phủ Tôn nhân, phúc thẩm tại Chánh đường.

3.2.3. Thẩm quyền xét xử trong hoạt động tố tụng thời Nguyễn (1802 – 1884) (Hoàng Việt luật lệ & Hội điển sự lệ)

Đặc điểm lãnh thổ dân cư chính quyền và bối cảnh lịch sử thời nhà Nguyễn có đặc trưng riêng khác với các thời kỳ lịch sử trước đó. Dựa trên cơ sở học tập thời Hậu Lê và tham khảo mô hình hành chính tư pháp trong Bộ luật nhà Minh Thanh Trung Quốc, tổ chức tư pháp triều Nguyễn có nhiều tiến bộ [230; 231; 232].

3.2.3.1. Thẩm quyền xét xử ở cấp địa phương thời Nguyễn

Cấp địa phương huyện (châu): (Điều 305, 355, 358 - HVLL) [58]. Thẩm quyền tố tụng xác định căn cứ theo 3 loại vụ việc chính như: *Việc dân* bao gồm cả hình sự và dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, châu, phủ; *Việc quân* gồm các vụ việc liên quan đến quân sự, quân đội, thực hiện xét xử theo quân pháp; *Việc thương* liên quan đến buôn bán, vay nợ tiền bạc, giải quyết ở cấp địa phương, cao nhất là Thượng ty (Tổng đốc, Tuần phủ). Sự phân loại tố tụng mang tính khái quát hơn QTHL và QTKTĐL trong thời Lê sơ và Lê Trịnh. “*Các án quan trọng do Án sát xét xong phải chuyển đệ lên Tổng đốc, Tuần phủ xét lại.*”, [52, tr.403, 404]. Triều Nguyễn tập trung quyền lực cao hơn nhà Lê ở cấp tỉnh [31; 32; 33].

3.2.3.2. Thẩm quyền xét xử ở cấp trung ương thời Nguyễn

Thẩm quyền tố tụng của Hình Bộ, Đô sát viện, Đại lý tự [22, tr.9 - 13]. Trụ sở của cơ quan xét xử liên ngành Tam pháp ty là Công chính đường [52, tr. 333 - 336]. Hội đồng xét xử cao nhất là Công đồng Đình Nghị (Triều đình nghị bàn) dưới quyền điều khiển chủ trì của nhà vua [37, tr.310 - 312] [51, tr.220]. Đánh trống “*Đặng vãn.*”, “*Thu thẩm.*”, và “*Kinh lược sứ.*”, là những Tiên lệ tư pháp tiến bộ.

3.2.4. Thẩm quyền giám sát hoạt động tố tụng PKVN

3.2.4.1. Thẩm quyền cơ quan giám sát tố tụng tại địa phương

Với QTHL và QTKTĐL, thời Lê Trịnh Ngự sử đài thông qua sáu ty, “đến kỳ soát tụng, quan tra soát thấy án tích cũng chiếu theo lý lẽ của vụ kiện tụng mà luận phạt quan tra soát,, [54, tr.282, 296]. Triều Nguyễn Đô sát viện, Kinh lược sứ, Khâm sai Đại thần được phép “tiền trăm hậu tấu,,. Tại địa phương có Hiến ty & Án sát; giám sát theo cấp hành chính 2 bậc và các chức Giám quan, Giám lâm.

3.2.4.2. Thẩm quyền cơ quan giám sát tố tụng tại trung ương

Trong QTHL, *Tri từ tụng* (chức quan thanh tra án) hoặc Hội đồng *Thẩm hình viện* (thẩm định lại bản án) thuộc Bộ Hình và *Đề hình Ngự sử* thông qua, vua phê chuẩn thì bản án mới chính thức có hiệu lực pháp luật. Đây chính là cơ chế *kiểm soát liên ngành*. Trong QTKTĐL, quyền của Ngũ phủ, Phủ liêu, Chương phủ sự, Thự phủ sự, Tham tụng, Bồi tụng, Lục Bộ và Lục phiên; quyền tối cao thuộc về *Chánh đường Phủ chúa* [54, tr.297]. Triều Nguyễn còn có Đô sát viện, Đại lý tự và Tam pháp ty; theo cơ chế Đình nghị, Thu thẩm. Đứng ở vị trí tối cao trong hệ thống giám sát, soát xét án ở trung ương là Hoàng đế.

3.3. Những quy định pháp luật về trình tự, thủ tục xét xử các vụ án, giải quyết các vụ việc trong hoạt động tố tụng của nhà nước PKVN

3.3.1. Định chế pháp luật về trình tự khởi kiện, thụ lý vụ án, vụ việc, cụ thể, chặt chẽ, khách quan, nhanh chóng, thời hạn, thời hiệu rõ ràng, đồng bộ và thống nhất

Pháp luật tố tụng cho phép có hai hình thức khởi kiện. *Thứ nhất*: Trình đơn khởi kiện, đơn tố cáo tại nha môn theo đúng thẩm quyền; *Thứ hai*: Nếu như vụ án quá cấp bách cần phải tâu trình ngay thì cho phép đánh trống gõ mõ kêu tại Nha môn, quan xét án sẽ xem xét xử lý bất kể ngày hay đêm [54, tr.278, 281]. *Về nguyên tắc*, khi trình văn án lên Nha môn, cần phải có “*Đơn khởi kiện*” bằng văn bản phải liệt kê các bản sao, văn bản chứng cứ, đơn từ và phải theo thể thức đã quy định [56, tr.239, 251, 253, 297] [54, tr. 297]. Nếu đương sự không biết chữ thì đơn có thể nhờ người khác viết hộ. *Về thể thức của đơn*, “*Tố cáo tội người phải ghi năm, tháng, ngày và trình bày sự thực, không được nói là việc còn ngờ, trái luật thì phải phạt 80 trượng*” [57, tr.184] (Điều 508 – QTHL). Pháp luật theo quan điểm Nho gia, trọng tôn ty trật tự gia đình dòng họ nên quy định con cháu không được kiện hoặc tố cáo ông, bà, cha, mẹ, vợ không được kiện cáo chồng. “*Anh em không hòa thuận, để đến nỗi phải tranh giành kiện cáo nhau, thì người trái lẽ phải xử tội nặng hơn người thường một bậc*”. Trong sự lựa chọn giữa ân nghĩa gia đình và nghĩa vụ xã hội, cổ luật đã ưu tiên tình nghĩa gia đình. Điều 306 - Hoàng Việt luật lệ giải thích rằng: “*Ân nghĩa gia đình là thiên tính không ngăn nổi*”. Giải pháp lựa chọn của cổ luật Việt Nam thật chí lý và sâu sắc. Cổ luật cấm đơn thư tố cáo nặc danh, các quan không được thụ lý, bởi đó là biểu hiện của tâm địa xấu, muốn giấu mặt hại người (Điều 502, 504, 511, 512 – QTHL) (Điều 302 – HVLL)[57, tr.182] [58].

Một nội dung quan trọng được quy định trong Thông lệ khám tụng - QTKTĐL về thời hạn nhận đơn khởi kiện hoặc tố cáo: “*Hạn xử kiện về ruộng đất, trộm cướp là 3 tháng, án mạng 4 tháng, hộ tịch hôn thú, đánh chửi nhau không phải là tạp tụng đều 2 tháng*, đều lấy ngày bị cáo bị bắt đến trình bày rõ sự việc làm ngày bắt đầu” [54, tr.275]. Nếu quá thời hạn trên thì không nhận đơn giải quyết việc kiện. Quy định trong QTHL, HVLL cũng tương tự trong khoảng từ 2 đến 6 tháng, “*Các việc kiện tụng lớn nhỏ kéo dài hàng năm hoặc các việc tranh chấp ruộng đất kéo dài quá luật hạn mới làm đơn kêu cáo thì các Nha môn không được nhận khám các việc đã kéo dài đó*” [54, tr.274].

Bộ điển chế “*Hồng Đức niên gian chư cung thể thức*”, quy định khoảng 70 mẫu văn bản trong quá trình tố tụng; “*Quốc triều thư khế thể thức*”, là các mẫu Di chúc, khế ước giao dịch dân sự; “*Hồng Đức Hôn giá*”, định chế về độ tuổi, nghi thức và các thủ tục kết hôn, lễ vật trong hôn nhân; “*Hồng Đức thiện chính thư*”, với 228 điều khoản chủ yếu về việc Dân sự, mở đầu là định chế về Hương hỏa điền sản, kết thúc là Mộ địa bộ đồ và định về Phạt tiền theo phẩm trật của quan lại.

Trong Bộ HVLL, việc thụ lý đơn kiện cũng được quy định đối với các quan tiến hành tố tụng: “*Các quan khi nhận đơn thưa kiện phải làm rõ vụ việc, nhanh chóng thụ lý*. Nếu quan bỏ qua sẽ bị trừng phạt căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của vụ việc. Nếu chậm trễ, nhầm lẫn, thêm bớt thì quan ty, đương sai bị trị tội.” (Điều 303 - HVLL). Đối với vụ hình án, khi có vụ án xảy ra phải có đơn tố cáo. Tất cả các vụ hình án nhân mạng đều do quan phủ, trấn ty giải quyết [54, tr. 297, 298, 299, 300].

Qua tư liệu cho thấy, tính chất “*Thượng công thủ pháp*” đã được coi trọng trong hoạt động tố tụng của nhà nước quân chủ PKVN.

3.3.2. Định chế pháp luật về điều tra vụ án, lập hồ sơ vụ việc tiến bộ, tôn trọng chứng cứ, sự thật khách quan, nhanh chóng kịp thời, khảo cung đúng pháp luật

Điều tra và lập hồ sơ vụ án. Mẫu văn bản tố tụng, đơn từ, biên án, cáo trạng, các chứng cứ văn bản, đều được định rõ trong luật [165] [197] [63].

Để đảm bảo tính ngay chính và sự thật khách quan, trong Bộ luật: QTHL, QTKTĐL đều quy định rất cụ thể về quy trình tố tụng. Khi tiến hành điều tra vụ án, phải tuân thủ quy định về tạm giam, về khảo cung để lập hồ sơ vụ án, tránh tra tấn quá sức chịu đựng (Điều 668, 669 - QTHL). QTKTĐL [54, tr. 281 - 311] (Điều 701 - 704 - QTHL) [57] [58]. Quy định về điều tra, thụ lý, tang chứng, vật chứng, nhân chứng, về khảo cung, giám nhẹ với người già trẻ em, người tàn tật (Điều 361 - 378 HVLL) [58].

3.3.3. Định chế pháp luật về xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (giám đốc thẩm, tái thẩm) và chung thẩm cụ thể rõ ràng, đã phân nào đảm bảo tính độc lập, thống nhất, tôn trọng quyền của các chủ thể tham gia quá trình tố tụng, hướng đến công bằng công lý nhân văn

3.3.3.1. Định chế pháp luật về quy trình xét xử sơ thẩm

Xét xử sơ thẩm đảm bảo tôn trọng thủ tục, chứng cứ, nguyên tắc, tôn trọng pháp luật và đề cao trách nhiệm của quan xét xử. Việc xét xử phải đúng thời hạn quy định trong Bộ luật, trái quy định thì bên vi phạm, kể cả quan xét án đều bị trị tội (Điều 670, 671 - QTHL) [54, tr.271, 272]. *Về chứng cứ*, là vấn đề quan trọng đặc biệt trong thủ tục tố tụng. Theo đó, QTKTĐL quy định rằng: *Việc kiện tụng vốn có lý nhất định*. Phàm ban cấp ruộng đất, lấy cấp phái làm căn cứ. Cho cày thuê, lấy văn khế cày thuê làm căn cứ. *Ruộng đất tư cầm hay bán đứt, lấy văn tự làm căn cứ*. Việc cưới xin lấy giấy nộp cho làm căn cứ. Tài sản lấy chúc thư làm căn cứ. Tiền nợ lấy văn khế và lời biên làm căn cứ... Các việc tạp tụng đều lấy văn bằng chứng tá làm căn cứ (Điều 30 – QTKTĐL) [54, tr.279]. Trong xét xử án tử, cỗ luật đặc biệt coi trọng vật chứng. Nguyên tắc là “*Trọng chứng hơn trọng cung*”, “*nói có sách, mách có chứng*”, “*Giấy trắng mực đen*”, “*Tiền trao cháo múc*”, “*Thực khế hư tiền*”. Nếu tội nhân nghèo khó quá không sao nộp được, thì thuộc lại được phép trình bản tỵ để tâu lên vua định đoạt” (Điều 630, 664, 665, 666, 667, 697 – QTHL). Các quy định về sơ thẩm là thực sự tiến bộ, nhân văn [57].

Về căn cứ pháp lý, khi xử án, nguyên tắc là *chiếu theo luật định*. Các trường hợp như: “*Đa hành ác sự*”, “*Bất ung vi*”, “*Tỷ dẫn điều luật*”, “*Xét xử đối với người Man liên phạm tội*” cho phép xét xử linh hoạt. Như vậy, trong quá trình áp dụng pháp luật, thực hành pháp luật, các chủ thể luôn phải biết cách vận dụng sao cho hợp thời thế, hoàn cảnh, điều kiện và ứng dụng phù hợp hài hòa [10, tr. 389].

“*Vạn thế sư biểu*” Khổng Tử đã viết trong Kinh thi rằng: “*Xử kiện thì ta cũng như mọi người, có khác chăng đó là làm cho không có việc kiện tụng*”. “*Người làm quan nếu có kiện tụng thì tất phải xử, xử tất phải thẩm xét, thẩm xét tất phải giải quyết, giải quyết tất phải đúng sai phân minh, phải trái biện rõ, thì người oan uổng được giải oan, mọi người tất sợ phục*”. [55, tr. 239][56, tr.240]. Tất cả các vụ kiện “*Nếu có chút gì oan uổng, thì tội nặng ở phần sơ thẩm*”, tra khám để xác định việc đó hư hay thực, luận tội người được sống hay phải chết nên không thể không thận trọng [56, tr. 292].

3.3.3.2. *Định chế pháp luật về xét xử phúc thẩm (giám đốc thẩm, tái thẩm)* đảm bảo đúng thủ tục, thời hạn, quy trình hướng đến thấu tình đạt lý, tâm phục khẩu phục: Luật định rằng: “*Ngày quyết tụng, quan Đại thần và các quan xét án đều phải Hội đồng lại xét hỏi kỹ càng cho rõ sự phải trái, cốt để mọi người đều yên lòng*”(Điều 720 - QTHL) Các quan phải hết lòng thực thi bổn phận tranh biện, phải thẩm xét lại để tránh có người mắc oan. *Nếu tình đã đạt, lý đã rõ, mà kẻ bị tội còn chưa phục tội, thì chiếu theo tội cũ tăng thêm một bậc (khung) hình phạt nữa*”(Điều 721 – QTHL). [54, tr.279].

3.3.3.3. *Định chế về xét xử chung thẩm qua ba cấp, cấp cao nhất thuộc về triều đình trung ương, vua và chúa là vị thẩm phán tối cao*

Trong QTHL, xét hỏi cho thật thấu tình đạt lý, Hội đồng Đình nghị, các Đại thần Hội đồng có quyền tranh biện và nhà vua đưa ra phán quyết cuối cùng

bằng bản quyết tụng [57, tr.244]. HVLL quy định về *Án xử giam chờ phiên toà Thu thẩm (phiên toà mùa thu)*. (Điều 376 - HVLL) [52, tr. 322, 333, 335, 336, 415]. Nói chung, ở cấp xét xử chung thẩm, thực chất đó là Hội đồng tư pháp cung đình, các bản án đều được cân nhắc hết sức kỹ càng. Đứng đầu "*Hội đồng nghị án*" là nhà vua & chúa Trịnh.

3.3.4. Định chế pháp luật về thi hành bản án, ân xá, đại xá

Ân xá, đại xá, tha tù phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và yêu cầu thực tiễn, thể hiện phần nào tính nhân đạo, chiếu cố đối với diện Bát nghị, phụ nữ, trẻ em, người già yếu và người khuyết tật.

Thi hành án là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động tố tụng. "*Cán cân công lý*" và "*Áo hình giải Trĩ*" luôn là biểu trưng cho sự ngay thẳng và công minh cần có ở các quan tòa. Thi hành án trong QTHL, "*Những ngày đầu xuân, ngày quốc kỵ, ngày trai giới làm lễ lớn mà hình quan tâu lên xin thi hành án tử hình thì bị biếm một tư*" (Điều 676, 710 – QTHL) [57, tr. 230, 241]. Thi hành án quy định trong HVLL đến hạn mùa thu mới đem thi hành án" (Quyển 179 – KĐDNHĐSL).

Ân xá, Đại xá tha tù là một trong những chính sách khoan dung, nhân đạo của các Nhà nước. Diện là người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ, Bát nghị, người nước ngoài, được hưởng ân xá của nhà nước (Điều 21, 22, 33, 133, 369, 385 – HVLL) [58]. Do thiên tai, vua lo nghĩ về "*Thiên Nhân cảm ứng*", nhiều người bị oan ức nên oán khí dậy đất thiên nhân bất hòa nên cho phép đại xá tha tù. Chính sách hình sự chung là "*Dĩ hình khử hình*" đi cùng với "*Ân, khoan, hoãn, giảm, tha tù*" và những quy định về "*Phạt tiền và chuộc hình phạt bằng tiền*". Qua đó cho thấy "*Hình sự hóa*" kết hợp với "*Dân sự hóa*" chế tài cũng có thể là một trong những giá trị của pháp luật tố tụng PKVN [31, 32, 33].

3.4. Những quy định pháp luật về phân loại vụ việc trong tố tụng của pháp luật Phong kiến Việt Nam

Có thể khẳng định *phân loại vụ việc trong tố tụng* là một trong những nội dung đặc biệt tiên bộ thể hiện tính chuyên sâu đối với các loại án từ quan trọng của pháp luật thời Lê - Trịnh. Chúng ta xếp loại các Lệ kiện theo lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, quan chế để dễ so sánh với ngày nay.

3.4.1. Pháp luật tố tụng chuyên ngành trong lĩnh vực hình sự

3.4.1.1. *Lệ kiện tụng về nhân mạng (Lệ 15 – QTKTĐL)* Lệ kiện tụng về nhân mạng được quy định chủ yếu ở Lệ 15 gồm 8 điều, từ điều 66 đến điều 73 - QTKTĐL.

3.4.1.2. *Lệ kiện tụng về trộm cướp (Lệ 16 – QTKTĐL)* (Điều 16, 74, 75, 76 - QTKTĐL). Trong trường hợp ông bà, cha mẹ, con cháu bao che trộm cướp bởi ân nghĩa tình thân thì không phải tội, đàn bà mắc tội trộm cướp thì được giảm tội (Điều 429, 450 – QTHL). 3.4.1.3. *Lệ kiện tụng về đánh nhau (Lệ 22 - QTKTĐL)* Phạm việc về đánh nhau, phải cho người bị thương kịp thời kêu xin, các *sắc, mục thôn trưởng, xã trưởng của xã đó khám nghiệm* lập án tại nơi ẩu đả, chuẩn rõ ngày giờ *khám nghiệm*.

3.4.1.4. *Lệ kiện tụng về cờ bạc (Lệ 27 – QTKTĐL)* Những văn tự gán nợ trong cờ bạc đều tiêu huỷ, lấy 1/2 để thưởng cho người cáo giác. Lệ 27 - Điều 125 quy định: *Những kẻ đánh bạc thường hay ép người bị thua bạc văn tự vay nợ hoặc bán đất, người nhà*

hoặc trong làng làm chứng ký tên, điểm chỉ (*Xin xem thêm Phụ lục văn bản*). Theo cổ luật tệ cờ bạc, gán nợ, hành hung bắt nợ trừng phạt nghiêm khắc [54].

3.4.2. Pháp luật tố tụng trong lĩnh vực dân sự, đất đai, tạp tụng

3.4.2.1. Lệ kiện tụng về ruộng đất (Lệ 17 – QTKTĐL) Lệ kiện tụng về ruộng đất chủ yếu liên quan đến tình trạng "Biến công vi tư", tranh chiếm, xâm phạm, ăn lậu. Điều 84, QTKTĐL định rằng: tranh ruộng phụng cấp đều do *Huyện quan khám xét*, tùy theo thứ bậc mà phúc cáo (Điều 82, 89, 85). *Về thời hạn nộp đơn kiện*: Kiện ruộng đất hạn 5 năm mới được nhận xử. Quá 5 năm mới kiện nha môn thì nên bỏ. Ruộng cầm cố đã có hạn chuộc (tối đa là 20 -30 năm). *Kỳ hạn xét xử*: Trong 03 tháng, nếu kiện ruộng đất không đầy ba sào giới hạn trong 02 tháng phải xét xử. Nhận thức được sự tha hoá của chính thể quân chủ chuyên chế có nhiều biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn sự cướp đoạt tài sản ruộng đất của quan chức chính quyền đối với dân chúng [54, 55].

3.4.2.2. Các lệ kiện tụng về lăng mộ, gian dâm, cưới xin, tiền nợ, cờ bạc, mổ mả, (Lệ 23 – 27 QTKTĐL) Lệ kiện về những nhiễu điều toa, dân sự tạp tụng (Lệ 28 – 31 QTKTĐL)

Lệ kiện tụng về lăng mộ: Khi có vụ việc xảy ra, các sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng (trưởng làng) làm biên bản đề trình phải sao ra một bản, xã trưởng viết mấy chữ làm dấu tích. *Lệ kiện tụng về gian dâm*: Phạm có đơn cáo về gian dâm, phải bắt được tại chỗ nội trong 10 ngày mang đơn đầu cáo mới được nhận khám. *Lệ kiện tụng về cưới xin*: Việc cưới xin đã qua lễ vấn danh và đã nhận đồ sinh lễ: hai bên gia đình đã có thoả thuận về việc cưới hỏi, đã qua lễ *Nạp trung - nhận đồ sinh lễ như: tiền, lụa, vàng, bạc, lợn, rượu...* (Điều 315 - QTHL). Tránh việc *hối hôn, từ hôn, vờng mạo một cách tùy tiện*, gây ảnh hưởng đến danh dự của hai bên gia đình cũng như đôi trai gái trong việc cưới hỏi, kết hôn và cuộc sống gia đình về sau. *Lệ kiện tụng về tiền nợ*: Vấn đề tiền nợ, chủ nợ, con nợ, đòi nợ; Nợ kéo dài, chủ nợ không được tự tiện bắt giam con nợ. Nhà có việc tang chưa chôn cất thì chủ nợ cũng phải đợi xong việc hiếu rồi mới được đến hỏi nợ. Những kẻ đi đòi nợ thuê thì luận phạt thêm tội nặng. Trường hợp cá biệt: Các sắc mục, huyện, xã, thôn trưởng khi có việc riêng phải vay nợ mà ghi bừa tên toàn xã hoặc nhân danh việc công, nhận sự uỷ thác kiện tụng, thu thuế, để vay bừa tiền bạc [54, 55].

Vay nợ là một mối quan hệ dân sự phổ biến trong dân gian. ***Có vay có trả, lãi suất dù nhiều năm tháng, không quá một gốc một lãi***. Pháp luật ngăn chặn những hành vi hành hung, bức tước, bắt ép đến cùng quần giữa chủ nợ với người mắc nợ. *Lệ kiện tụng về mổ mả*: Dân sự tạp tụng nếu các bên kiện *thuận tình hoà giải* các khám quan chiếu lệ cho cung hoà, cung thuận để ngưng việc kiện, *bớt phí tổn cho dân*. Về *giáo phường*, tục lệ nếu mới làm đình, xong đình, sửa sang nhà khách trú ở tạm, hoặc các giáo phường mở các cuộc vui để quỳên tiền đều đã có chuẩn định, không được lợi dụng, lạm dụng.

3.4.3. Pháp luật tố tụng chuyên ngành trong lĩnh vực công vụ hành chính, tài chính, quan chế: *Lệ kiện tụng về quan chức hành chính*: kiện tụng về sự ức hiếp hà lạm, tuần dò thu lạm, giả trá việc sai phái, lệ kiện về thân sức cai lại, Cai

thu hà lạm, lạm thu thuế của dân buộc phải trả lại (Lệ 18 – 21 QTKTĐL) và các văn bản Hội điển [54, 55].

Về thẩm quyền xét xử các vụ kiện quan chức: thuộc quyền Hiến ty ở các trấn và Ngự sử đài ở Kinh đô. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các quan chức quy định rất cụ thể, chi tiết, nghiêm minh.

Các bước kiện tụng việc ức hiếp: luật định về nguyên đơn bị đơn về ức hiếp tiền bạc & ức hiếp ruộng; quy trình kiện quan cai thu hà lạm. *Lệ kiện tụng về thân sức cai lại* phòng ngừa quan lại tư pháp câu kết hại người. Nếu Nha môn nào không biết răn cấm, để xảy ra tệ tình những lạm xử nghiêm [54, 139].

3.5. Những quy định về quan chế hành chính tư pháp quân sự và một số vụ án điển hình thời quân chủ PK Việt Nam

3.5.1. Những quy định về quan chế tư pháp trong nền hành chính quân sự: Tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của khoa cử và bổ dụng quan chức. Theo nguyên lý trong Kinh thư, từ nhà Lý Trần đến nhà Lê Nguyễn, khoa cử là phương thức chủ yếu để tuyển dụng hiền tài: *“Nhân tài là nguyên khí của đất nước. Khoa mục là đường thẳng của quan trường”* [18, tr.442- 450]. Chương Vi chế với 144 điều qui định về quan chế hành chính tư pháp và thi cử (Điều 97, 98, 100 - QTHL).

Những tội trạng của quan xét xử được quy định chặt chẽ, xử phạt nghiêm minh. Bộ luật định rõ 24 trường hợp chi tiết về sự thêm bớt và căn cứ vào đó để định tội quan án. Trường hợp bớt tội cho người cũng không thể tha thứ bởi làm trái luật (Điều 686, 720, 721, 722 - QTHL). *“Xuất nhập nhân tội”*, *“Biện minh oan uổng”* quan lại *“phạm công tội”*, *“phạm tư tội”*, Công Đồng Đình Nghị biện lý nếu quả có oan uổng, đáng thương thì thỉnh ý vua định đoạt (Điều 375 - HVLL).

3.5.2. Thực tiễn một số vụ án điển hình trong lịch sử quân chủ PKVN

Theo tư liệu lịch sử, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX có khoảng hơn 500 bản án được ghi chép ngắn gọn trong các bộ chính sử. So sánh án từ cũng có thể cho chúng ta rất nhiều thông số, đồng thời cũng còn rất nhiều án số cần phải phân tích và lý giải. Thống kê trong chính sử từ 1428 đến 1789 có khoảng 200 vụ án điển hình được ghi lại (ĐVSKTT, Tập 2 có 56 vụ án; ĐVSKTT, Tập 3 có 54 vụ án; ĐVSK tục biên có 89 vụ án). Thống kê trong ĐNTL & MMCY có khoảng 380 vụ án quan chức phạm tội về an ninh, chính trị, quân sự, vi phạm về chế độ công vụ, kỷ luật công vụ, trong đó thời Gia Long 80 vụ, thời Minh Mệnh 130 vụ, thời Thiệu Trị 60 vụ, thời Tự Đức 110 vụ [12-21].

Có những bài học kinh nghiệm nào từ truyền thống lịch sử án từ ?

Thứ nhất, lịch sử án từ được ghi chép cho thấy, các vụ án và sự biến động đều liên quan đến chính trị và quân sự. Bản án dường như vẫn còn lưu dấu trong tâm thức của dân chúng từ đời này qua đời khác, từ chính sử đến dã sử. Chúng tỏ người Việt luôn ý thức đến vận mệnh quốc gia.

Thứ hai, cũng có một số vụ án thể hiện ân nghĩa gia đình, gia tộc, đạo hiếu sinh. Một số vụ án cá biệt ghi lại trong HĐTCT như: *Anh em ruột tranh kiện và lời phán của quan án*; xét án về *Hương hỏa điền sản*; án kiện về hôn nhân biệt lệ;

án con xin chịu tội thay cha. Vụ án cá biệt thể hiện giá trị nhân văn như “*Bà Nguyễn Thị Tồn vượt vạn dặm*, đánh trống kêu oan cho chồng vào thời điểm không phải ngày trực của Tam pháp ty, làm thay đổi tiền Lệ pháp của triều đình. Vụ án vua Minh Mệnh xử trị Hoàng tử Miên Phú, Miên Thẩm, mắc lỗi với thường dân, ăn chơi quá đà gây tổn hại phong hóa Hoàng gia [220, tr. 200, 203, 204, 244].

Thứ ba, Nghiên cứu án từ cũng là một bức tranh toàn cảnh hiện thực của xã hội và pháp luật trong tính thực hành, thực tiễn. [*Lấy ví dụ một vài vụ án & Lời bàn: Xin xem trong các Bảng*] [*Phụ lục 3 thống kê Án từ*]

Kết luận chương 3: Nhìn tổng thể, pháp luật PKVN nói chung và Pháp luật tố tụng PKVN nói riêng đã đạt được những thành tựu đặc sắc và tiến bộ. Kết hợp hài hòa tính dân tộc và tính thời đại, hội nhập khu vực, học tập Trung Hoa nhưng vẫn giữ lại bản sắc độc đáo và sáng tạo của dân tộc mình. Ban hành và vận hành, bổ sung và pháp điển hóa Bộ luật chuyên về tố tụng, điều chỉnh hoạt động tư pháp và tòa án xét xử, từ địa phương đến trung ương, từ quân sự đến dân sự, từ luật hình sự đến hành chính quan chế & thể chế tư pháp, từ tiểu tụng đến đại tụng trong khoảng thế kỷ XV-XIX là một trong những thành công của nhà nước quân chủ Đại Việt.

CHƯƠNG 4. NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ & ĐƯƠNG ĐẠI CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG PHONG KIẾN TRONG CẢI CÁCH TƯ PHÁP XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Những giá trị lịch sử của pháp luật tố tụng PKVN

4.1.1. Giá trị lịch sử về lập pháp và kỹ thuật lập pháp

Giá trị về lập pháp luôn có tính kế thừa và phát triển sáng tạo: Tiến bộ vượt hẳn trong kỹ thuật lập pháp khi nhà nước PKVN là một trong những quốc gia đã ban hành *Bộ luật tố tụng chuyên ngành đầu tiên* trong khu vực châu Á và thế giới. Bộ luật điều chỉnh hoạt động tố tụng chuyên sâu đã tạo vị thế mới cho thể chế tư pháp quân chủ Việt Nam.

Các nhà lập pháp tài năng uyên bác đã ghi danh trong lịch sử như: thời Lý có Lý Thái Tông; thời Trần có Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn và Thượng Hoàng Trần Minh Tông; thời Lê có vua Lê Thái Tổ, Nhân Tông, Thánh Tông, các Đại thần như Nguyễn Trãi, Phan Phu Tiên, Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Đàm Văn Lễ; thời Lê Trịnh có Chúa Trịnh Sâm và Nguyễn Hoàn; thời Nguyễn có vua Gia Long, Minh Mệnh, các Đại thần như Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu [54, tr.279] [9,10,11].

4.1.2. Giá trị lịch sử trong xây dựng hệ thống VBQPPL tiến bộ

Giá trị trong khoa học lý luận kết hợp ban hành quy phạm điều chỉnh

Chủ quyền quốc gia và dân tộc độc lập luôn là giá trị trong lý luận và thực tiễn của nhà nước quân chủ Việt Nam. Theo đánh giá của Oliver Oldman, chủ nhiệm Khoa luật Á Đông, Đại học Havard về QTHL: “*Đó là một sự nỗ lực thường xuyên đối với việc xây dựng một nhà nước dân tộc mạnh và sự bảo hộ của những quyền*

tư hữu hợp pháp bởi hệ thống pháp luật tiến bộ”[57, tr.19][58][54,139,140]. Sự “Hoán đổi hình phạt” chính là đã áp dụng quy luật giá trị trong hình phạt, đây là một tiến bộ quan trọng trong kỹ thuật lập pháp của PKVN [31] [35, tr.153]. Pháp luật tố tụng mang tính phổ cập toàn xã hội. Bộ luật có hiệu lực lâu dài bền vững và dần trở thành tập quán dân tộc. Bộ luật Hiến chương và những nội dung của luật tố tụng có giá trị và sức sống lâu bền, ăn sâu bén rễ trong cộng đồng dân cư đến nay vẫn chưa phai nhạt.

4.1.3. Giá trị lịch sử về nội dung pháp luật tố tụng PKVN bảo vệ nhà nước và xã hội: *Pháp luật tố tụng là công cụ quyền lực bảo vệ nhà nước và nền hành chính quốc gia.* Nhà nước quân chủ chuyên chế được thiết lập, thực hiện chức năng cơ bản là tổ chức và xây dựng, trấn áp và bảo vệ [54, tr.51-201] [46, tr. 10 - 120]. Trong QTHL, HVLL có nhiều điều luật bảo vệ nhà nước quân chủ, an ninh quốc gia, biên giới lãnh thổ, tộc người: Điều 2, 411, 412 – QTHL, Điều 223 – HVLL, Thập ác tội, Đạo tặc và các quy định về bảo vệ cảng biển Vân Đồn, kiểm soát buôn bán, an ninh vùng biên giới (Điều 614, 615, 616 – QTHL). *Pháp luật tố tụng bảo vệ nền kinh tế chính trị văn hóa xã hội.* Theo Phan Huy Chú, “trong khoảng 20 năm, non sông đổi khác, chính là lòng trời có ý mở cho triều Nguyễn một cơ hội lớn, để thống nhất đất nước ngày nay”[9, tr.41].

4.1.4. Giá trị tiến bộ và nhân văn của pháp luật tố tụng PKVN

Học giả M.Aikyo và T.Inaco đã khẳng định trong công trình nghiên cứu về Đông Nam Á rằng: *Pháp luật Việt Nam trong quá khứ quyết không đồng nhất với pháp luật Trung Hoa* [141, tr. 58, 59, 60]. Địa vị pháp lý của người phụ nữ trong tố tụng được bảo vệ, hình phạt giảm nhẹ. Theo QTHL, đối với nữ tội nhân trộm cướp, luật mặc định “*đàn bà thì giảm tội*”[57, tr.33, 149, 159] (Điều 1, 401– 410, 429, 680, 709 - QTHL). *Giá trị nhân văn, ân nghĩa của pháp luật gia đình truyền thống Việt Nam* cũng chứa đầy những giá trị của đạo hiếu và nghĩa dưỡng trong những tranh tụng về sở hữu, hợp đồng, thừa kế và trách nhiệm dân sự, về quan hệ nhân thân và tài sản giữa những người thân trong gia đình. *Phân loại tố tụng theo vụ việc* cũng là một trong những thành tựu quan trọng của luật tố tụng trong truyền thống văn hóa Việt Nam [54, 55]. *Giám sát tư pháp tố tụng* là cơ chế pháp lý đặc biệt quan trọng đảm bảo sự tôn nghiêm của pháp luật. *Phạt tiền và chuộc hình phạt bằng tiền*, quy luật giá trị sức lao động được ứng dụng trong hình phạt và áp dụng hình phạt. Điều này có lợi cho tất cả các bên, phòng chống được tham nhũng và sự tha hóa trong hoạt động tư pháp xét xử. “*Tiên vương chi pháp*” kết hợp hài hòa với “*Hậu vương chi pháp*” sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển xã hội.

4.1.5. Những giá trị đặc trưng cơ bản của pháp luật tố tụng truyền thống

Một là, Không tách biệt luật nội dung và hình thức tố tụng; *Hai là*, Không có sự biệt lập về tổ chức quyền lực giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp và quân sự an ninh, liên thông thống nhất; *Ba là*, Ranh giới giữa tố tụng hình, tố tụng dân, tố tụng hành chính, kỹ luật công vụ và quân sự chỉ mang tính tương đối; *Bốn là*, Cơ quan & người tiến hành tố tụng, trách nhiệm của quan lại, của các cấp xét xử rất nghiêm cần; *Năm là*, Việc xử phạt quan án khi vi phạm pháp luật rất nghiêm

khắc; Sáu là, Cách phân loại thủ tục tố tụng theo vụ việc rất có ý nghĩa trong thời đại mới.

4.2. Những giá trị đương đại của pháp luật tố tụng PKVN

4.2.1. Giá trị đương đại về lý luận trong xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng của nhà nước PKVN: *Giá trị về lập pháp:* Cần có nhà lập pháp tài năng thiết kế hệ thống pháp lý, trong cả lý luận và thực hành. Thành lập “Hội đồng lập pháp” gồm những chuyên gia đầu ngành tâm huyết và công minh. *Giá trị về hành pháp và tư pháp:* thiết lập chuỗi quản lý và xử lý vi phạm đồng bộ, mục đích cơ bản là đảm bảo an ninh quốc gia, chủ quyền dân tộc, phát triển xã hội, trị quốc an dân. *Giá trị tố tụng xét xử* hướng đến sự tôn nghiêm liêm chính của pháp luật. Giá trị lý luận pháp luật về lập pháp, hành pháp, tư pháp được đặt ra khi xây dựng pháp luật tố tụng là nhằm bảo hộ công dân, bảo vệ nhân quyền, dân quyền, dân tộc quốc gia, xử phạt nghiêm minh những hiện tượng vi phạm pháp luật.

4.2.2. Giá trị đương đại về thực tiễn của việc xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng trong hoạt động xét xử của nhà nước PKVN

4.2.2.1. Xây dựng mô hình tổ chức xét xử và kiểm soát tố tụng thống nhất
Mô hình tố tụng thẩm vấn trong QTHL, QTKTĐL, HVLL có nhiều giá trị trong thời đại toàn cầu hóa; Công pháp tụng chiếm ưu thế bởi tính quy mô, đồng bộ, liên kết và phản ứng nhanh, kịp thời huy động tổng lực, phục vụ cho quy trình tố tụng. Hoạt động thanh tra kiểm soát tố tụng truyền thống là tương đối khoa học chặt chẽ. Trong lịch sử và hiện tại, mô hình thẩm vấn kết hợp tranh tụng có rất nhiều ưu thế. **4.2.2.2. Hoạt động tố tụng và quản lý hành chính tư pháp theo địa lý vùng miền từ cơ sở, kết hợp hài hòa với luật tục, hương ước, lệ làng:** Thời Lê Thánh Tông đã ban điều luật cho phép các làng xã có thể lập Hương ước riêng² [35, tr.103]. Điều này đã được thể hiện cả trong QTHL, HVLL, HĐTCT, QTKTĐL và các bộ luật, Hội điển PKVN thế kỷ XV – XIX. Đây là vấn đề có thể nghiên cứu học tập phát huy nguồn lực từ cơ sở trong quản lý và xử lý vi phạm trong các giai đoạn tố tụng. **4.2.2.3. Phân loại vụ việc trong tố tụng chuyên ngành và giá trị kiến tạo mới:** Luật tố tụng thời Lê - Trịnh mang tính chuyên ngành chuyên sâu trong từng loại việc kiện, quy định như vậy là phù hợp, tiến bộ và hiệu quả [54, tr.373 - 378]. Rộng và xa hơn, tác giả Vũ Văn Mẫu còn đưa ra nhận định rằng: luật thủ tục chuyên sâu theo loại vụ việc sẽ tạo nên sự thuận lợi trong các tranh tụng quốc tế.

² Xem thêm Hồng Đức thiện chính thư, 1464, Điều 260, “nếu làng xã nào có những tục lệ khác lạ thì được phép lập Khoán ước nhưng phải nhờ viên chức nho gia là người đứng tuổi, có đức hạnh ngay thẳng giúp cho việc soạn thảo và phải trình lên quan chức các nha môn xem xét rõ các điều khoản để phê chuẩn hay bác bỏ. Nếu ai vi phạm các quy định của nhà nước thì cho phép xã quan tố cáo lên nha môn để trị tội”.

4.3. Những giải pháp trong việc tiếp thu, kế thừa và phát triển những thành tựu của pháp luật tố tụng PKVN trong quá trình cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở nghiên cứu cơ luật, tác giả xin được đề xuất một số giải pháp kết nối giữa tính truyền thống và sự hội nhập phát triển như sau: 4.3.1. Xây dựng ý thức hệ tư tưởng pháp trị, pháp quyền và quyền con người; 4.3.2. Xây dựng nhà nước và thể chế tư pháp kết hợp giữa tập quyền với phân quyền, tản quyền & tăng cường giám sát quyền lực; 4.3.3. Lập pháp chuẩn mực và cần có cơ chế Kiểm soát quyền lực tối cao & đảm bảo Thượng tôn pháp luật; 4.3.4. Áp dụng các chế tài thưởng phạt nghiêm minh; 4.3.5. Đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng nhân sự tư pháp chuẩn mực; 4.3.6. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể công quyền trong tố tụng; 4.3.7. Thiết kế “Phân loại tố tụng theo vụ việc” chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả; 4.3.8. Các giải pháp cần được thiết kế xây dựng thống nhất, đồng bộ phù hợp trong quá trình cải cách tư pháp.

Cần tiếp tục nghiên cứu kỹ càng hơn nữa về tư pháp tố tụng Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Trên cơ sở đó, dự báo về hội nhập và định hướng phát triển mô hình tố tụng trong tương lai. Trước mắt đó là:

Thứ nhất, Đào tạo nguồn nhân lực hội nhập, thành thạo ngôn ngữ quốc tế và hiểu biết về các quốc gia trên thế giới.

Thứ hai, Định hướng tư pháp theo nguyên tắc bảo hộ người Việt Nam, cá nhân, pháp nhân và tổ chức Việt Nam trên phạm vi toàn cầu.

Thứ ba, Kết hợp hài hòa mô hình tố tụng thẩm vấn và tranh tụng, phát huy những thành tựu và giá trị truyền thống dân tộc.

Kết luận chương 4

Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX với sự ra đời của các Bộ luật, Hội điển, Điển chế đã mang lại những thành tựu đặc sắc cho pháp luật tố tụng trong quản lý nhà nước quân chủ. Không chỉ có giá trị về mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp; giá trị về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an sinh mà còn khẳng định trình độ quản lý nhà nước về tư pháp xét xử một cách chặt chẽ tiến bộ. Dù có những hạn chế nhất định nhưng những giá trị về lý luận và thực tiễn trong xây dựng thực thi pháp luật tố tụng của nhà nước quân chủ PKVN đã được các nhà nước sau này thừa nhận, nghiên cứu, học tập, kế thừa và phát triển trong quá trình lịch sử.

KẾT LUẬN CHUNG

1. Nghiên cứu việc xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XV - XIX cho chúng ta thấy những thành công trong lập pháp về phương pháp luận, lịch sử phát triển, bản chất, nguyên tắc, đặc điểm của hoạt động tố tụng. Những giá trị pháp lý về hình thức và nội dung, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của hoạt động xét xử. Những thành tựu, hạn chế trong việc áp dụng và thực thi pháp luật. Những giải pháp cần tiếp thu, kế thừa và phát triển. Những kinh nghiệm xây dựng ý thức hệ tư tưởng lập pháp, nội hàm và cấu trúc cơ bản của các điều luật trong việc soạn thảo các định chế, quy phạm cụ thể của Bộ

luật. Do đó, việc vận dụng các thành quả tiên bộ trong lập pháp của nhà nước phong kiến Việt Nam để đáp ứng nhu cầu phát triển, kiến tạo xã hội mới tốt đẹp là thực sự cần thiết.

2. Có thể thấy rằng, pháp luật tổ tụng của nhà nước quân chủ phong kiến Việt Nam thế kỷ XV - XIX, mặc dù không phải là hệ thống pháp luật hoàn chỉnh nhất, nhưng cũng có thể được coi là thành công nhất trong giai đoạn lịch sử thời đó, trong khi khu vực và trên thế giới chưa có một nhà nước phong kiến nào có được một Bộ luật tổ tụng chuyên biệt. Cho dù bộ máy quyền lực mang tính tập quyền, những điều luật điều chỉnh và xử phạt còn hà khắc, nhưng đã thể hiện tư tưởng lập pháp tiên bộ, đưa pháp luật vào quản lý cơ quan nhà nước và toàn xã hội, một trong những thành công đó là pháp luật về tổ tụng trong cả luật Hiến chương và luật chuyên ngành. Do tầm quan trọng đặc biệt của pháp luật tổ tụng trong xây dựng và quản lý đất nước, cùng với tiến trình phát triển của lịch sử, các thế chế nhà nước đều chú trọng hàng đầu việc xây dựng hệ thống pháp luật trong đó có lĩnh vực tổ tụng. Trên cơ sở những nguyên lý, quy tắc và định hướng cơ bản, pháp luật tổ tụng truyền thống đã tạo lập được những định chế, quy phạm phù hợp, đảm bảo tính công minh, hợp lý, công lý và hiệu quả trong xét xử.

3. Đối với giá trị của các Bộ luật quân chủ phong kiến Việt Nam, khi nghiên cứu, mặc dù có những cản trở về ngôn ngữ, ngữ pháp, tính xác thực của các văn bản dịch, nhưng những giá trị về lập pháp, hành pháp, tư pháp của việc sử dụng văn bản pháp luật để điều chỉnh và quản trị các quan hệ về nhà nước, xã hội, cá nhân và gia đình thì không thể phủ nhận. Các nhà lập pháp hiện nay sẽ cần phải chú ý nhiều hơn nữa đến việc sử dụng những kinh nghiệm truyền thống dân tộc trong thiết kế pháp luật, các cách dự liệu cần có trong những phương án giải quyết vụ việc, các giải pháp đặt ra trong tiến trình vận hành và áp dụng pháp luật, những giá trị về nền tư pháp nhân văn đóng góp cho hoạt động tổ tụng và sự biến đổi những giá trị đó để xây dựng và áp dụng pháp luật trong giai đoạn hiện nay cho phù hợp và hiệu quả.

4. Mục đích tham khảo, đối chiếu và sử dụng nguồn tư liệu lịch sử trong việc xây dựng pháp luật hiện nay, song cùng với việc tham khảo kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới trong thực tiễn xây dựng hệ thống pháp luật ở Việt Nam, đó chính là nhằm mang lại thành quả trong hoạt động lập pháp, đảm bảo tính hệ thống và tính định hướng trong mục tiêu của dân tộc và thời đại, từng bước góp phần vào thành công trong cải cách tư pháp, quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp hướng đến quyền con người.

5. Trong quá trình nghiên cứu và so sánh, chúng ta thấy nếu công tác xây dựng và ban hành những văn bản pháp luật mới và sửa đổi văn bản pháp luật hiện hành nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế chưa thể đạt được những mục tiêu đề ra thì việc nghiên cứu và vận dụng thành quả của pháp luật quân chủ phong kiến càng trở nên quan trọng, cần thiết và có giá trị lâu dài bền vững.

Việc phát hiện thêm các văn bản Điển chế pháp luật về tố tụng thời Lê Thánh Tông, bổ sung trong thời Lê Trịnh đã đưa lại cho nền pháp luật về hình thức thủ tục phong kiến Việt Nam thêm những thành tựu mới. Điều này càng khẳng định những đánh giá khách quan của các học giả phương Tây trong cuốn Almanach: ngay từ thế kỷ XV, khi châu Âu còn chìm trong đêm trường trung cổ, luật pháp của lãnh chúa và nhà thờ còn ngự trị thì ở Việt Nam và Trung Hoa đã có những bộ luật điển chế mà những tiến bộ của nó làm ngạc nhiên các nhà nghiên cứu phương Tây. Điều này cũng đã được học giả Vũ Văn Mẫu khẳng định trong bản dịch Hồng Đức thiện chính thư: *“Đó là linh hồn trí não người xưa kết đúc cho chúng ta qua bao lớp phế hưng của lịch sử”*. Nhìn lại quá khứ, nhìn ra thế giới, sửa lại chính mình, định hướng tương lai. Cội nguồn gốc rễ gia đình, dòng tộc, dân tộc luôn là hành trang tất yếu cho công cuộc kiến tạo tương lai, *“ôn cố nhi tri tân”* chưa bao giờ là bài học xưa cũ. Pháp luật truyền thống không chỉ có ý nghĩa đối với nhà nước xã hội phong kiến thời đó, mà còn có ý nghĩa và bài học kinh nghiệm quý báu trong việc xây dựng hệ thống pháp luật đương thời. Đặc biệt trong công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh, hòa bình, tiến bộ và phát triển vì *“dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”* như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong ước.

Pháp luật tố tụng không những bảo vệ lẽ công bằng thông qua các thủ tục pháp lý mà còn xây dựng những cơ chế thực thi quyền lực tư pháp thông qua hoạt động của hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án và các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, pháp luật tố tụng từng bước được sửa định cụ thể hơn nhằm xây dựng những quy phạm pháp luật chuẩn mực về nội dung, trình tự và thủ tục tố tụng đối với các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, thương mại, tài chính, lao động, đất đai, đảm bảo sự công bằng và tính nghiêm minh của pháp luật, từng bước cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền theo xu hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiến bộ, hội nhập và phát triển./.